

Số: 1167 /QĐ-TTKN-CNKN

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TS-VP ngày 01/7/2024 của Cục trưởng Cục Thủy sản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKHCHN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Xét Báo cáo đánh giá chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước số 01/2024/HĐHQ/01 ngày 17/3/2025; 02/2025/HĐHQ-QN ngày 18/3/2025; 01/2024/HĐHQ.03 ngày 17/3/2025 và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT với số HQ.25.01205 cho 22 sản phẩm (Phụ lục 1, STT từ 1-22 đính kèm) của Công ty TNHH Uni-President Việt Nam, địa chỉ tại: Số 16-18-20, đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Giấy chứng nhận, Phụ lục 1, Phụ lục 2 của sản phẩm kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực 02 năm từ ngày ký. Giấy chứng nhận chỉ có giá trị đối với sản phẩm nêu tại Quyết định này. Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận, Công ty TNHH Uni-President Việt Nam được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH Uni-President Việt Nam, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&MT tỉnh Bình Dương;
- Giám đốc (b/c);
- Trung tâm Vùng I; II;
- Văn phòng Trung tâm (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Yến

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

Thức ăn hỗn hợp

STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
1	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu UP mã số V 990	HQ.25.01205-1	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
2	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu UP mã số V 991	HQ.25.01205-2		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
3	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu UP mã số V 992	HQ.25.01205-3		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017



STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
4	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu UP mã số V 993	HQ.25.01205-4	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,2	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
5	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu UP mã số V 994	HQ.25.01205-5		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
6	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu UP mã số V 995	HQ.25.01205-6		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
7	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhàn hiệu NU RI mã số N 310	HQ.25.01205-7		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,1	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
8	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 311	HQ.25.01205-8	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	1,0	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
9	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 312	HQ.25.01205-9		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
10	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 312A	HQ.25.01205-10		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,2	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
11	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 313	HQ.25.01205-11		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,1	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
12	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 314	HQ.25.01205-12	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
13	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 315	HQ.25.01205-13		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
14	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UNIVANA mã số I800	HQ.25.01205-14		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	<0,1	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
15	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UP.VANNAMEI mã số Starter	HQ.25.01205-15		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,2	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
16	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu UP.VANNAMEI mã số Pre-Grower 01	HQ.25.01205-16	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
17	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu UP.VANNAMEI mã số Pre-Grower 02	HQ.25.01205-17		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,2	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
18	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu UP.VANNAMEI mã số Grower 01	HQ.25.01205-18		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
19	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô Phi nhàn hiệu UP mã số R7002-32	HQ.25.01205-19		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
20	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô Phi nhân hiệu UP mã số R7003-32	HQ.25.01205-20	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
21	Thức ăn hỗn hợp cho Cá Giống nhân hiệu UP mã số D003	HQ.25.01205-21		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
22	Thức ăn hỗn hợp cho Cá Giống nhân hiệu UP mã số D004	HQ.25.01205-22		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú: KPH – Không phát hiện

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

Thức ăn hỗn hợp

STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Địa điểm sản xuất	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UP mã số V 990	HQ.25.01205-1	- Địa điểm 1: Công ty TNHH Uni-President Việt Nam. Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; - Địa điểm 2: Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Tiền Giang. Lô 03, KCN Mỹ Tho, tỉnh lộ 864, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam; - Địa điểm 3: Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Quảng Nam. Lô số 14, KCN Điện Nam-Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.	QCVN 02-31-1:2019/BNNPT NT
2	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UP mã số V 991	HQ.25.01205-2		
3	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UP mã số V 992	HQ.25.01205-3		
4	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UP mã số V 993	HQ.25.01205-4		
5	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UP mã số V 994	HQ.25.01205-5		
6	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UP mã số V 995	HQ.25.01205-6		
7	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 310	HQ.25.01205-7		
8	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 311	HQ.25.01205-8		
9	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 312	HQ.25.01205-9		
10	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 312A	HQ.25.01205-10		
11	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 313	HQ.25.01205-11		
12	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 314	HQ.25.01205-12		



STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Địa điểm sản xuất	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
13	Thức ăn hỗn hợp cho tôm sú nhãn hiệu NU RI mã số N 315	HQ.25.01205-13	- Địa điểm 1: Công ty TNHH Uni-President Việt Nam. Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; - Địa điểm 2: Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Tiền Giang. Lô 03, KCN Mỹ Tho, tỉnh lộ 864, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam; - Địa điểm 3: Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Quảng Nam. Lô số 14, KCN Điện Nam-Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.	QCVN 02-31-1:2019/BNNPT NT
14	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UNIVANA mã số I800	HQ.25.01205-14		
15	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UP.VANNAMEI mã số Starter	HQ.25.01205-15		
16	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UP.VANNAMEI mã số Pre-Grower 01	HQ.25.01205-16		
17	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UP.VANNAMEI mã số Pre-Grower 02	HQ.25.01205-17		
18	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu UP.VANNAMEI mã số Grower 01	HQ.25.01205-18		
19	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô phi nhãn hiệu UP mã số R7002-32	HQ.25.01205-19		
20	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô phi nhãn hiệu UP mã số R7003-32	HQ.25.01205-20		
21	Thức ăn hỗn hợp cho Cá Giống nhãn hiệu UP mã số D003	HQ.25.01205-21	- Địa điểm 1: Công ty TNHH Uni-President Việt Nam. Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; - Địa điểm 2: Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Tiền Giang. Lô 03, KCN Mỹ Tho, tỉnh lộ 864, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.	
22	Thức ăn hỗn hợp cho Cá Giống nhãn hiệu UP mã số D004	HQ.25.01205-22		